TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LÀO CAI** **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2018/HNGĐ-ST
Ngày 01 - 11 - 2018
V/v: Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LÀO CAI, TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lan Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Thái

2. Ông Lục Văn Vãn

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Khánh Nguyệt – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai*** tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Thanh Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 182/2018/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2018 về việc: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2018/QĐXX-ST ngày 01 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 38/2018/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị T - Sinh năm 1992 (Có mặt)

Bị đơn: Anh Nguyễn Đức M - Sinh năm 1984 (Vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã T, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 11/7/2018, tại bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Đức M kết hôn vào ngày 28 tháng 6 năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phú đến tháng 3/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình

không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, không còn tin tưởng lẫn nhau. Anh M thường xuyên chơi bời bên ngoài, không chăm lo, quan tâm đến gia đình, vợ con, từ đó dẫn đến vợ chồng hay đánh cãi chửi nhau. Mâu thuẫn của vợ, chồng đã được hai bên gia đình và bạn bè hai bên nhiều lần khuyên giải nhưng vẫn không cải thiện được. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ tháng 4/2018 đến nay, không có quan hệ gì về tình cảm và kinh tế. Nay chị Trần Thị T xác định tình cảm vợ chồng giữa anh chị không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Đức M.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống anh chị có hai người con chung là cháu Nguyễn Gia K, sinh ngày 01/4/2014 và cháu Nguyễn Trần Bảo A, sinh ngày 31/10/2016. Khi ly hôn chị Trần Thị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai cháu Nguyễn Gia K và Nguyễn Trần Bảo A đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh Nguyễn Đức M phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Chị Trần Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại nơi cư trú của anh Nguyễn Đức M tại thôn Đ, xã C, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Qua xác minh được biết anh Nguyễn Đức M có đăng ký tạm trú và sinh sống tại đây nhưng anh Nguyễn Đức M không thường xuyên có mặt tại địa phương nên Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, anh Nguyễn Đức M vắng mặt.

Tại phiên toà, chị Trần Thị T vẫn giữ nguyên quan điểm và yêu cầu của mình.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai phát biểu quan điểm: Đây là vụ án *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* Tòa án nhân dân thành phố L thụ lý là đúng thẩm quyền. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự đã được thực hiện theo đúng trình tự thủ tục tố tụng.

Về nội dung vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của chị Trần Thị T. Xử cho chị Trần Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Đức M. Giao cháu Nguyễn Gia K, sinh ngày 01/4/2014 và cháu Nguyễn Trần Bảo A, sinh ngày 31/10/2016 cho chị Trần Thị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Chị Trần Thị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con

chung. Về tài sản : Chị Trần Thị T không yêu cầu nên không xem xét gải quyết. Tuyên án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn nộp đầy đủ các chứng cứ theo quy định. Tranh chấp cần giải quyết trong vụ án là tranh chấp hôn nhân gia đình, theo khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 – Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai. Quá trình giải quyết vụ án Toà án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai đã tiến hành xác minh và niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Nguyễn Đức M theo đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, vụ án không tiến hành hoà giải theo quy định tại Khoản 2 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên toà, bị đơn anh Nguyễn Đức M vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Đức M.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị T trên cơ sở căn cứ lời khai của đương sự, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy:

Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Đức M kết hôn vào 28 tháng 6 năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định hôn nhân giữa Trần Thị T và anh Nguyễn Đức M là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến tháng 3/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Anh M thường xuyên mải chơi mà không chịu tu chí làm ăn, không quan tâm, chăm sóc cho gia đình, vợ con từ đó dẫn đến vợ chồng hay đánh cãi chửi nhau. Mâu thuẫn của vợ, chồng đã được hai bên gia đình và bạn bè hai bên nhiều lần khuyên giải nhưng vẫn không cải thiện được. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ tháng 4/2018 đến nay, không có quan hệ gì về tình cảm và kinh tế. Đến nay chị Trần Thị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Đức M. Do vậy cần chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị T là có căn cứ, phù hợp theo Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống anh chị có hai người con chung là cháu Nguyễn Gia K, sinh ngày 01/4/2014 và cháu Nguyễn Trần Bảo A, sinh ngày 31/10/2016. Khi ly hôn chị Trần Thị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị

được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai cháu Nguyễn Gia K và Nguyễn Trần Bảo A đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh Nguyễn Đức M phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy hiện nay anh Nguyễn Đức M thường xuyên vắng mặt tại địa phương nên không thể có điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc con cái được. Mặt khác từ khi anh M vắng mặt tại địa phương chị T vẫn là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai cháu Gia K và Bảo A, chị T vẫn đảm bảo về mọi mặt cho các cháu. Hiện nay chị T đang làm giáo viên tại trường Mầm non A, thu nhập trung bình mỗi tháng là 4.000.000 đồng. Do đó cần giao cháu Nguyễn Gia K và Nguyễn Trần Bảo A cho chị T là người trực tiếp, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật. Về vấn đề cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung, chị Trần Thị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về quan hệ tài sản: Chị Trần Thị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn ly hôn của chị Trần Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Đức M.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Gia K, sinh ngày 01/4/2014 và cháu Nguyễn Trần Bảo A, sinh ngày 31/10/2016 cho chị Trần Thị T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Đức M không phải cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung. Anh Nguyễn Đức M có quyền đi lại trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000VNĐ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000VNĐ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa

án số 0005308 ngày 17/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lào Cai. Chị Trần Thị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Trần Thị T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Nguyễn Đức M được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Lan Phương

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- VKSND (2);
- UBND phường B, Thành phố L, tỉnh Lào Cai;
- Chi cục THADS TP;
- Các đương sự;
- Lưu HS - Tập án.